

Số: 10/2017/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2017

NGHỊ ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 4 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế giá trị gia tăng

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 28 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật quản lý thuế ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định về Quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 4 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế giá trị gia tăng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 4 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế giá trị gia tăng như sau:

“4. Khai, tính và nộp thuế giá trị gia tăng của Tập đoàn Điện lực Việt Nam:

a) Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các đơn vị thành viên thực hiện kê khai, nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

b) Việc kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng của các công ty sản xuất điện hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam và hạch toán phụ thuộc các Tổng công ty phát điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam được thực hiện như sau:

- Các công ty sản xuất điện hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam và hạch toán phụ thuộc Tổng công ty phát điện thực hiện khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế đối với hoạt động sản xuất điện tại địa phương nơi đóng trụ sở công ty.

- Số thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất điện được xác định như sau:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Số thuế GTGT phải} & & \text{Số thuế} & & \text{Số thuế GTGT} \\ \text{nộp của hoạt động} & = & \text{GTGT đầu} & - & \text{đầu vào được} \\ \text{sản xuất điện} & & \text{ra} & & \text{khấu trừ} \end{array}$$

- Số thuế GTGT đầu ra được xác định như sau:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Số thuế} & & \text{Sản lượng} & & \text{Giá tính} & & \text{Thuế suất thuế} \\ \text{GTGT đầu ra} & = & \text{điện} & \times & \text{thuế} & \times & \text{GTGT (10\%)} \end{array}$$

Trong đó:

Sản lượng điện là sản lượng giao nhận theo đồng hồ đo đếm điện có xác nhận giữa công ty sản xuất điện với Công ty truyền tải điện và công ty mua bán điện.

Giá tính thuế giá trị gia tăng đối với điện của các công ty sản xuất điện hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam và hạch toán phụ thuộc các Tổng công ty phát điện là giá bán điện cho khách hàng ghi trên hóa đơn theo hợp đồng mua bán điện. Trường hợp các công ty sản xuất điện hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam và hạch toán phụ thuộc các Tổng công ty phát điện không trực tiếp bán điện cho khách hàng thì giá tính thuế giá trị gia tăng được xác định như sau:

Giá tính thuế đối với điện của các công ty thủy điện hạch toán phụ thuộc là giá bán điện cho công ty mẹ do Tập đoàn Điện lực Việt Nam công bố trước ngày 31 tháng 3 hàng năm để áp dụng thống nhất nhưng không thấp hơn chi phí sản xuất điện bình quân năm trước liền kề (không bao gồm chi phí lãi vay và chênh lệch tỷ giá) của các nhà máy thủy điện hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam và của các nhà máy thủy điện hạch toán phụ thuộc Tổng công ty phát điện.

Giá tính thuế giá trị gia tăng đối với công ty nhiệt điện là giá bán cho công ty mẹ do Tập đoàn Điện lực Việt Nam công bố trước ngày 31 tháng 3 hàng năm để áp dụng thống nhất nhưng không thấp hơn giá mua điện bình quân năm trước liền kề của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

- Số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ là tổng số thuế giá trị gia tăng ghi trên hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ đáp ứng các điều kiện khấu trừ thuế theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng”.

Điều 3. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 4 năm 2017. Bãi bỏ Quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành Nghị định số 82/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (3b).PC *406*



Nguyễn Xuân Phúc

QUY CHẾ

Quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam
*(Ban hành kèm theo Nghị định số 10/2017/NĐ-CP
ngày 09 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc quản lý tài chính đối với Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

2. Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm thực hiện các quy định về quản lý tài chính của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác theo quy định của Chính phủ, các quy định khác của pháp luật có liên quan và Quy chế này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam” là nhóm các công ty có tư cách pháp nhân độc lập, bao gồm:

- a) Tập đoàn Điện lực Việt Nam (doanh nghiệp cấp I).
- b) Các đơn vị nghiên cứu khoa học, đào tạo.
- c) Các công ty con của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (doanh nghiệp cấp II).
- d) Các công ty con của doanh nghiệp cấp II (doanh nghiệp cấp III).
- đ) Các công ty liên kết của Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam.

2. “Tập đoàn Điện lực Việt Nam” (sau đây viết tắt là EVN) là công ty mẹ trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam, được tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của EVN.

3. “Đơn vị trực thuộc EVN” là các đơn vị hạch toán phụ thuộc EVN, bao gồm: Các đơn vị sự nghiệp (các trường đào tạo, viện nghiên cứu, trung tâm), các đơn vị trực thuộc hoạt động kinh doanh, các đơn vị trực thuộc không hoạt động kinh doanh và các đơn vị khác được thành lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4. “Công ty con của EVN” là các tổng công ty, các công ty hạch toán độc lập do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc giữ cổ phần, vốn góp chi phối hoặc nắm giữ quyền chi phối khác, được tổ chức dưới các hình thức: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (công ty TNHH một thành viên), công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (công ty TNHH hai thành viên trở lên), công ty cổ phần, công ty liên doanh với nước ngoài, công ty ở nước ngoài và các loại hình công ty khác theo quy định của pháp luật.

5. “Công ty liên kết của EVN” (sau đây gọi tắt là công ty liên kết) là các công ty có cổ phần, vốn góp dưới mức chi phối của EVN; công ty không có vốn góp của EVN tự nguyện tham gia liên kết dưới hình thức hợp đồng liên kết và có mối quan hệ gắn bó lâu dài về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường, các dịch vụ khác với EVN.

6. “Đơn vị thành viên của EVN” bao gồm các đơn vị trực thuộc và công ty con.

7. “Vốn điều lệ của EVN” là vốn do Nhà nước đầu tư và được ghi tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của EVN.

8. “Cổ phần, vốn góp chi phối của EVN” là cổ phần hoặc vốn góp của EVN chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó hoặc một tỷ lệ khác theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ của doanh nghiệp đó.

9. “Người quản lý doanh nghiệp” bao gồm Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của EVN.

10. “Quyền chi phối của EVN” là quyền của EVN đối với một doanh nghiệp khác, bao gồm ít nhất một trong các quyền sau đây:

a) Quyền của chủ sở hữu duy nhất của doanh nghiệp.

b) Quyền của cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối của doanh nghiệp.

c) Quyền trực tiếp hay gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của doanh nghiệp.

d) Quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp.

đ) Quyền trực tiếp hay gián tiếp quyết định chiến lược, kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp.



e) Các trường hợp chi phối khác theo thỏa thuận giữa EVN và doanh nghiệp bị chi phối và được ghi vào Điều lệ của doanh nghiệp bị chi phối.

11. “Người đại diện phần vốn của EVN tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn” là cá nhân được EVN ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của EVN đối với phần vốn của EVN đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn (sau đây được gọi tắt là “Người đại diện”).

Các từ ngữ khác trong Quy chế này đã được giải nghĩa trong Bộ luật dân sự, Luật doanh nghiệp, Luật quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

Điều 3. Chủ sở hữu của EVN

Nhà nước là chủ sở hữu của EVN. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, cơ quan có liên quan được phân cấp thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu Nhà nước đối với EVN.

Chương II

QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA EVN

Mục 1

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN

Điều 4. Vốn của EVN

1. Vốn của EVN bao gồm vốn do Nhà nước đầu tư tại EVN, vốn do EVN tự huy động và các loại vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Vốn điều lệ

a) Vốn điều lệ của EVN được ghi trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của EVN do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Vốn điều lệ của EVN được điều chỉnh tăng trong quá trình kinh doanh, trình tự và thủ tục điều chỉnh tăng vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.

c) Nguồn bổ sung vốn điều lệ của EVN bao gồm:

- Quỹ đầu tư phát triển;
- Từ nguồn tiếp nhận tài sản, tăng vốn chủ sở hữu tại EVN theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;
- Các nguồn vốn bổ sung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của EVN trong việc sử dụng vốn và quỹ do EVN quản lý

1. EVN được quyền chủ động sử dụng số vốn nhà nước đầu tư, các loại vốn khác, các quỹ do EVN quản lý vào hoạt động sản xuất kinh doanh của EVN theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động của EVN; quản lý sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn có hiệu quả; báo cáo theo đúng quy định cho chủ sở hữu, Bộ Tài chính về việc doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, không đảm bảo khả năng thanh toán, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do chủ sở hữu giao hoặc trường hợp sai phạm khác để thực hiện giám sát theo quy định.

2. Việc sử dụng vốn, quỹ để đầu tư xây dựng phải tuân theo các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 6. Huy động vốn

1. EVN được quyền huy động vốn của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để đáp ứng nhu cầu vốn của EVN và tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn huy động, hoàn trả đầy đủ cả gốc và lãi vay cho chủ nợ mà EVN đã cam kết. Việc huy động vốn của EVN phải đảm bảo hệ số nợ phải trả (bao gồm cả các khoản bảo lãnh vay vốn đối với công ty con của EVN) trên vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của EVN tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn không vượt quá 3 lần. Trong đó:

a) Vốn chủ sở hữu ghi trên bảng cân đối kế toán trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của EVN được xác định không bao gồm chỉ tiêu “nguồn kinh phí và quỹ khác”, “chênh lệch tỷ giá”.

b) Nợ phải trả ghi trên bảng cân đối kế toán trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của EVN được xác định không bao gồm các chỉ tiêu: “Quỹ khen thưởng, phúc lợi”, “Quỹ bình ổn giá”, “Quỹ phát triển khoa học và công nghệ”.

2. Hình thức huy động vốn: Phát hành trái phiếu doanh nghiệp; vay vốn của các tổ chức tín dụng, các tổ chức tài chính khác, của cá nhân, tổ chức ngoài doanh nghiệp; vay vốn của người lao động và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.

3. EVN không được huy động vốn để đầu tư vào các lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm, quỹ đầu tư, bất động sản, tài chính.

4. EVN được quyền chủ động huy động vốn nhân rỗi của các công ty con do EVN sở hữu 100% vốn điều lệ. Trường hợp EVN huy động vốn từ các công ty có vốn góp dưới 100% vốn điều lệ thì phải có sự thoả thuận của các công ty này.

Khi huy động vốn, hai bên phải thỏa thuận mức lãi suất huy động phù hợp với quy định của pháp luật nhưng không cao hơn lãi suất thị trường tại thời điểm huy động theo quy chế huy động vốn do EVN ban hành.

5. EVN chỉ thực hiện bảo lãnh cho các công ty con vay vốn tại các tổ chức tín dụng trong nước với điều kiện công ty con được bảo lãnh phải có tình hình tài chính lành mạnh, không có các khoản nợ quá hạn; việc bảo lãnh vay vốn để thực hiện dự án đầu tư phải trên cơ sở thẩm định hiệu quả của dự án đầu tư và phải có cam kết trả nợ đúng hạn đối với khoản vay được bảo lãnh.

Tổng giá trị các khoản bảo lãnh vay vốn tại một công ty con do EVN sở hữu 100% vốn điều lệ không vượt quá giá trị vốn chủ sở hữu của công ty con theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm gần nhất tại thời điểm bảo lãnh.

Trường hợp các công ty con của EVN có nhu cầu bảo lãnh thì EVN được bảo lãnh theo nguyên tắc: Tỷ lệ (%) bảo lãnh của từng khoản vay không vượt quá tỷ lệ (%) vốn góp của EVN trong doanh nghiệp được bảo lãnh vay vốn và tổng các khoản bảo lãnh vay vốn không được vượt quá số vốn góp thực tế của EVN tại doanh nghiệp được bảo lãnh tại thời điểm bảo lãnh.

Tổng giá trị các khoản EVN bảo lãnh vay vốn cho các công ty con của EVN không vượt quá vốn chủ sở hữu của EVN đồng thời phải đảm bảo hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu quy định tại khoản 1 Điều này. EVN có trách nhiệm giám sát các công ty con sử dụng vốn vay đúng mục đích và trả nợ đúng hạn.

6. EVN được huy động các nguồn vốn tín dụng ưu đãi theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ để đầu tư các dự án điện, các dự án cải tạo tiếp nhận lưới điện trung hạ áp nông thôn và lưới điện của các tổ chức khác bàn giao.

7. EVN được hỗ trợ, thanh toán từ nguồn ngân sách nhà nước chi phí đầu tư dự án, công trình điện phục vụ an sinh xã hội, an ninh quốc phòng theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

8. Trường hợp vốn chủ sở hữu được xác định trên báo cáo tài chính năm tại công ty con do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ lớn hơn mức vốn điều lệ được phê duyệt do hình thành từ nguồn lợi nhuận sau thuế mà các công ty con không có nhu cầu điều chỉnh tăng vốn điều lệ thì EVN thực hiện điều chuyển khoản chênh lệch theo quy định hiện hành của pháp luật.

Đối với các trường hợp vốn chủ sở hữu của Công ty con do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ lớn hơn mức vốn điều lệ được phê duyệt không phải hình thành từ nguồn lợi nhuận sau thuế mà các công ty con không có nhu cầu điều chỉnh tăng vốn điều lệ thì EVN điều chuyển phần chênh lệch về EVN theo hình thức tăng giảm vốn chủ sở hữu giữa EVN và các công ty con do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ.

9. Thẩm quyền phê duyệt phương án huy động vốn:

a) EVN được quyền chủ động huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh đảm bảo hệ số nợ phải trả (bao gồm cả các khoản bảo lãnh vay vốn đối với các công ty con của EVN) trên vốn chủ sở hữu của EVN không vượt quá 3 lần vốn chủ sở hữu của EVN được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của EVN tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn. Trong đó:

Hội đồng thành viên quyết định phương án huy động vốn không vượt quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên Báo cáo tài chính quý hoặc Báo cáo tài chính năm của EVN tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công.

Hội đồng thành viên phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định phương án huy động vốn theo quy chế phân cấp nội bộ của EVN và phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của EVN.

b) Trường hợp EVN có tổng nhu cầu huy động vốn vượt quy định tại điểm a khoản này, huy động vốn của tổ chức, cá nhân nước ngoài, Hội đồng thành viên báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định trên cơ sở các dự án huy động vốn phải đảm bảo khả năng trả nợ và có hiệu quả. Trường hợp vượt thẩm quyền, cơ quan đại diện chủ sở hữu báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

10. Trường hợp những hợp đồng tín dụng do EVN vay để đầu tư các công trình điện sau đó được chuyển giao sang các Công ty con, Công ty liên kết của EVN theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ Công Thương thì EVN phải thoả thuận với các tổ chức cho vay hoặc Bên bảo lãnh cho vay để chuyển đổi chủ thể hợp đồng vay sang các Công ty tiếp nhận các công trình điện từ EVN.

Trường hợp không được các tổ chức cho vay hoặc Bên bảo lãnh cho vay đồng ý chuyển đổi chủ thể vay thì EVN thực hiện ký hợp đồng cam kết với các Công ty tiếp nhận công trình điện theo quy định của pháp luật với các nội dung cơ bản sau:

a) Các công ty tiếp nhận công trình điện do EVN chuyển giao có trách nhiệm quản lý, hạch toán tăng tài sản cố định, thực hiện trích khấu hao theo quy định.

b) Định kỳ các công ty tiếp nhận công trình điện phải thực hiện chuyển cho EVN số tiền tương ứng với số nợ (bao gồm cả gốc và lãi) mà EVN phải trả cho chủ nợ và khoản chi phí mà EVN phải bỏ ra để phục vụ cho việc vay và trả nợ vay đối với công trình điện EVN chuyển giao cho công ty quản lý.



11. EVN được trực tiếp vay vốn nước ngoài theo phương thức tự vay, tự chịu trách nhiệm trả nợ cho bên vay nước ngoài theo đúng các điều kiện đã cam kết trong các thoả thuận vay. Điều kiện, trình tự, thủ tục xem xét chấp thuận các khoản vay nước ngoài của EVN thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của EVN không được Chính phủ bảo lãnh. Khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp phải nằm trong hạn mức vay nợ nước ngoài của quốc gia hàng năm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, không vượt quá mức dự án nhóm B và phải được đăng ký và xác nhận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định hiện hành.

Điều 7. Quản lý các khoản nợ phải trả

1. EVN có trách nhiệm mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả gồm cả các khoản lãi phải trả, các thông tin liên quan đến phạt chậm trả, thông tin liên quan đến người cho vay và thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn đã cam kết. Thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ của EVN, phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ để có giải pháp khắc phục kịp thời, không để phát sinh các khoản nợ quá hạn.

2. Khoản chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phải trả phát sinh trong kỳ, chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư nợ ngoại tệ phải trả cuối năm tài chính được xử lý theo quy định tại Điều 23 của Quy chế này.

3. Trường hợp quản lý để phát sinh nợ phải trả quá hạn, nợ không có khả năng thanh toán thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà Hội đồng thành viên EVN, người có liên quan phải bồi thường thiệt hại và bị xử lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của EVN.

Điều 8. Quản lý vốn đầu tư xây dựng

1. Quản lý vốn trong quá trình đầu tư xây dựng từ khâu chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, đến khi quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng phải đảm bảo đúng quy định của Nhà nước và quy chế nội bộ của EVN.

2. Lãnh đạo EVN và các đơn vị trực thuộc EVN chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản phát sinh tại đơn vị và số liệu, tài liệu, hóa đơn, chứng từ liên quan đến Báo cáo tài chính, Quyết toán vốn đầu tư của các công trình đầu tư xây dựng hoàn thành, công trình đầu tư nâng cấp. Thủ trưởng các đơn vị tự thực hiện giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của mình theo quy chế giám sát hiện hành.

Điều 9. Bảo toàn vốn nhà nước

1. EVN phải đảm bảo quản lý và sử dụng vốn Nhà nước có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn theo đúng quy định của pháp luật.

2. EVN thực hiện bảo toàn vốn Nhà nước bằng các biện pháp sau đây:

a) Thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo quy định của pháp luật.

b) Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật.

c) Xử lý kịp thời giá trị tài sản tổn thất, các khoản nợ không có khả năng thu hồi và trích lập các khoản dự phòng rủi ro sau đây:

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi.

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính.

- Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp.

d) Các biện pháp khác về bảo toàn vốn chủ sở hữu tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. EVN phải thực hiện đánh giá chỉ tiêu mức độ bảo toàn vốn theo quy định. Trường hợp không bảo toàn được vốn chủ sở hữu thì Hội đồng thành viên phải có báo cáo giải trình rõ gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu và Bộ Tài chính về nguyên nhân không bảo toàn được vốn, hướng khắc phục trong thời gian tới.

4. Khi đánh giá mức độ bảo toàn vốn, EVN được loại trừ những ảnh hưởng của các yếu tố sau:

a) Do Nhà nước điều chuyển vốn chủ sở hữu.

b) Do nguyên nhân khách quan bất khả kháng (như: Thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh).

c) Do đầu tư mở rộng phát triển sản xuất theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt làm ảnh hưởng đến lợi nhuận kể từ khi công trình đưa vào sử dụng.

d) Do thay đổi cơ cấu sản lượng và mức giá của các loại nguồn điện so với phương án giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Do nhà nước điều chỉnh giá (đối với sản phẩm do Nhà nước định giá) làm ảnh hưởng đến doanh thu của EVN hoặc phải thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội theo chỉ đạo của Chính phủ.

e) Do các khoản chênh lệch tỷ giá chưa được đưa vào trong phương án giá điện theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 10. Đầu tư vốn ra ngoài EVN

1. EVN được quyền sử dụng vốn của EVN để đầu tư ra ngoài EVN thuộc các ngành nghề kinh doanh được quy định trong Điều lệ tổ chức hoạt động của EVN. Việc đầu tư vốn ra ngoài EVN phải tuân thủ các quy định của pháp luật và đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, tăng thu nhập và không làm thay đổi mục tiêu hoạt động của EVN.

2. Việc đầu tư vốn ra ngoài EVN nếu có liên quan đến đất đai phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đất đai.

3. EVN không được nhận đầu tư, góp vốn từ các công ty con của EVN (doanh nghiệp cấp II), từ các công ty con của doanh nghiệp cấp II (doanh nghiệp cấp III).

4. EVN không được góp vốn hoặc đầu tư vào lĩnh vực bất động sản, không được góp vốn, mua cổ phần tại các tổ chức tín dụng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, Quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư chứng khoán hoặc công ty đầu tư chứng khoán.

5. Các hình thức đầu tư vốn ra ngoài EVN phải theo quy định của pháp luật gồm:

a) Góp vốn, mua cổ phần để thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới.

b) Mua cổ phần hoặc góp vốn tại các doanh nghiệp khác hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh điện năng.

c) Mua lại một doanh nghiệp khác để hình thành một pháp nhân mới.

d) Các hình thức đầu tư khác ra ngoài doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

6. Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư vốn ra ngoài EVN:

a) Hội đồng thành viên quyết định từng dự án đầu tư ra ngoài EVN với giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của EVN tại thời điểm gần nhất với thời điểm

quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công. Hội đồng thành viên phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định các dự án đầu tư ra ngoài EVN theo quy chế phân cấp nội bộ của EVN và phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của EVN;

b) Trường hợp dự án đầu tư ra ngoài EVN có giá trị lớn hơn mức quy định tại điểm a khoản này, dự án góp vốn liên doanh của doanh nghiệp với nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, dự án đầu tư vào doanh nghiệp khác để cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, Hội đồng thành viên báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định. Trường hợp vượt thẩm quyền, cơ quan đại diện chủ sở hữu báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

7. EVN không được góp vốn, mua cổ phần, mua toàn bộ doanh nghiệp khác mà người quản lý, người đại diện tại doanh nghiệp đó là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của doanh nghiệp; EVN không được góp vốn cùng công ty con để thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh.

8. EVN thực hiện các quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu vốn đối với số vốn đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Đầu tư ra nước ngoài

1. Việc sử dụng vốn, tài sản của EVN để đầu tư ra nước ngoài phải tuân thủ quy định của Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp, quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về quản lý ngoại hối và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Hội đồng thành viên EVN báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương dự án đầu tư ra nước ngoài.

Trường hợp dự án đầu tư ra nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội thì Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư sau khi Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư; trường hợp dự án đầu tư ra nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ thì cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định đầu tư sau khi Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

3. Hội đồng thành viên thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp để thực hiện việc đầu tư ra nước ngoài.

4. Các hoạt động nhằm hỗ trợ trực tiếp hoặc gián tiếp cho việc đầu tư các dự án điện ở nước ngoài, bao gồm:

a) Nghiên cứu thị trường và cơ hội đầu tư.

b) Khảo sát thực địa.

c) Nghiên cứu tài liệu.

d) Thu thập và mua tài liệu, thông tin có liên quan đến lựa chọn dự án điện.

đ) Tổng hợp, đánh giá, thẩm định, kể cả việc thuê chuyên gia tư vấn để đánh giá, thẩm định.

e) Tham gia, tổ chức hội thảo, hội nghị khoa học.

g) Hoạt động của các văn phòng đại diện, văn phòng liên lạc, chi nhánh, văn phòng điều hành của EVN ở nước ngoài liên quan đến việc hình thành dự án điện.

h) Tham gia đấu thầu quốc tế.

i) Đàm phán hợp đồng điện.

k) Các hoạt động cần thiết khác.

5. Dự án điện đầu tư ra nước ngoài được hình thành thông qua các hình thức sau:

a) Đầu tư 100% vốn của EVN vào các dự án điện.

b) Góp vốn thành lập pháp nhân mới đầu tư các dự án điện ở nước ngoài.

c) Hợp đồng hợp tác các dự án điện.

d) Nhận chuyển nhượng quyền lợi tham gia vào hợp đồng dự án điện.

đ) Nhận chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ công ty sản xuất kinh doanh điện.

e) Các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

6. Ưu đãi đầu tư đối với các dự án đầu tư ra nước ngoài thực hiện theo quy định hiện hành.

Mục 2 **QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN**

Điều 12. Tài sản của EVN

1. Tài sản của EVN bao gồm các tài sản ngắn hạn (như tiền, hàng tồn kho, các tài sản ngắn hạn khác) và các tài sản dài hạn (như tài sản cố định, bất động sản đầu tư, các khoản phải thu dài hạn, tài sản dài hạn khác).

2. EVN phải xây dựng Quy chế quản lý sử dụng tài sản để đảm bảo sử dụng tài sản có hiệu quả, tránh để lãng phí, ứ đọng, không cần dùng, thất thoát, kém, mất phẩm chất, lạc hậu kỹ thuật; tổ chức hạch toán phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời; tổ chức kiểm kê, đối chiếu theo định kỳ hoặc theo yêu cầu của chủ sở hữu; thực hiện đầu tư tài sản cố định, quản lý và sử dụng tài sản theo quy định.

3. EVN có quyền điều chuyển các tài sản gồm hệ thống điện, vật tư, thiết bị phục vụ trực tiếp cho sản xuất kinh doanh điện thuộc các doanh nghiệp do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ để phục vụ sản xuất kinh doanh hoặc theo phương án tái cơ cấu đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định. Việc điều chuyển các tài sản này thực hiện theo hình thức tăng giảm vốn đầu tư của Chủ sở hữu. Trường hợp điều chuyển tài sản hình thành từ vốn vay lại của Chính phủ, từ vốn vay được Chính phủ bảo lãnh khi khoản vay còn dư nợ thì phải có ý kiến chấp thuận của nhà tài trợ (đối với khoản vay lại của Chính phủ) hoặc của Người cho vay (đối với khoản vay có bảo lãnh Chính phủ) trước khi thực hiện theo đúng các điều khoản đã cam kết với người cho vay và thực hiện chuyển nợ cho bên nhận tài sản.

Điều 13. Đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định

1. Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định của EVN:

EVN phải xây dựng kế hoạch các dự án đầu tư phát triển 5 năm, bao gồm cả danh mục các dự án đầu tư từ nhóm B trở lên theo quy định của Luật đầu tư công hoặc một mức khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ của EVN trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Căn cứ chiến lược, kế hoạch các dự án đầu tư phát triển 5 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng năm của EVN đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt:

a) Hội đồng thành viên EVN quyết định các dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định có giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của EVN tại thời điểm gần

nhất với thời điểm quyết định dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công. Trường hợp vượt quá mức quy định tại điểm này, Hội đồng thành viên EVN có trách nhiệm báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định. Trường hợp vượt thẩm quyền, cơ quan đại diện chủ sở hữu báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Riêng các dự án nguồn điện, lưới điện cấp bách nằm trong danh mục đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Thủ tướng Chính phủ xem xét có thể uỷ quyền cho Hội đồng thành viên EVN quyết định đầu tư.

Hội đồng thành viên quyết định phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định các dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên.

b) Trình tự, thủ tục đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư, xây dựng.

2. Đầu tư, mua sắm phương tiện đi lại phục vụ hoạt động của EVN:

Các chức danh là Viên chức quản lý sử dụng phương tiện đi lại đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc, sử dụng phương tiện đi lại khi đi công tác, sử dụng phương tiện đi lại phục vụ công tác chung của EVN thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Việc trang bị hoặc thay thế phương tiện đi lại do Hội đồng thành viên EVN quyết định theo mức quy định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Người quyết định việc đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định chịu trách nhiệm nếu việc đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định không phù hợp, lạc hậu kỹ thuật, không sử dụng được.

Điều 14. Khấu hao tài sản cố định

1. EVN thực hiện trích khấu hao tài sản cố định theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Tổng giám đốc EVN quyết định mức trích khấu hao cụ thể trong khung theo quy định của Bộ Tài chính.

3. Việc sử dụng vốn khấu hao để đầu tư xây dựng phải tuân theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

4. EVN quản lý, sử dụng tập trung phần vốn khấu hao của các tài sản cố định do EVN đầu tư tại các đơn vị trực thuộc.



5. Khấu hao đối với một số trường hợp đặc thù:

a) Đối với những tài sản cố định được đánh giá lại theo quyết định của cấp có thẩm quyền, thì EVN chủ động xây dựng mức trích khấu hao mới theo khung do Bộ Tài chính quy định và đăng ký lại với Cơ quan thuế.

b) Đối với dự án đầu tư nâng cấp một phần tài sản cố định thì sau khi thực hiện nâng cấp EVN chủ động xác định lại tuổi thọ kỹ thuật và xác định lại thời gian khấu hao mới theo quy định hiện hành.

c) Đối với các dự án Nhà máy thủy điện thời gian tính khấu hao bắt đầu sau thời điểm nhà máy vận hành chạy thử 72 giờ trong trạng thái tài sản sẵn sàng sử dụng.

d) Đối với các dự án Nhà máy điện khác, thời gian tính khấu hao bắt đầu từ thời điểm Nhà máy chính thức đưa vào vận hành thương mại.

Điều 15. Cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản

1. EVN có quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của EVN theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng thành viên EVN quyết định các hợp đồng cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản có giá trị dưới 50% vốn chủ sở hữu ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc năm của EVN tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản nhưng giá trị còn lại của tài sản cho thuê, thế chấp, cầm cố không vượt quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công. Trường hợp vượt quá mức quy định tại điểm này, Hội đồng thành viên EVN có trách nhiệm báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định. Trường hợp vượt thẩm quyền, cơ quan đại diện chủ sở hữu báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Việc sử dụng tài sản để cho thuê, thế chấp, cầm cố phải tuân theo đúng các quy định của Bộ luật dân sự và các quy định khác của pháp luật.

Điều 16. Thuê tài sản hoạt động

1. EVN được thuê tài sản (bao gồm cả hình thức thuê tài chính) để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh phù hợp với nhu cầu của EVN và đảm bảo kinh doanh có hiệu quả.

2. Việc thuê và sử dụng tài sản thuê phải tuân theo đúng quy định của Bộ luật dân sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 17. Thanh lý, nhượng bán tài sản

1. EVN được quyền chủ động thực hiện nhượng bán, thanh lý tài sản đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, kém chất lượng, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được để thu hồi vốn trên nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo toàn vốn. Trường hợp nhượng bán, thanh lý tài sản hình thành từ vốn vay lại của Chính phủ, từ vốn vay được Chính phủ bảo lãnh khi khoản vay còn dư nợ thì phải có ý kiến chấp thuận của Nhà tài trợ (đối với khoản vay lại Chính phủ) hoặc của Người cho vay (đối với khoản vay có bảo lãnh Chính phủ) và ý kiến của Bộ Tài chính trước khi nhượng bán, thanh lý.

2. Thẩm quyền quyết định việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định:

a) Hội đồng thành viên EVN quyết định các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản có giá trị còn lại dưới 50% vốn chủ sở hữu ghi trên bảng cân đối kế toán trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của EVN tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định thanh lý, nhượng bán tài sản nhưng không vượt quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công.

Các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị lớn hơn mức phân cấp cho Hội đồng thành viên thì Hội đồng thành viên báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định; trường hợp vượt thẩm quyền, cơ quan đại diện chủ sở hữu báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

b) Trường hợp phương án nhượng bán tài sản cố định của EVN không có khả năng thu hồi đủ vốn đã đầu tư, EVN phải giải trình rõ nguyên nhân không có khả năng thu hồi vốn báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu và Bộ Tài chính trước khi nhượng bán tài sản cố định để thực hiện giám sát.

c) Riêng trường hợp tài sản cố định mới đầu tư, mua sắm đã hoàn thành đưa vào sử dụng trong thời gian 03 năm đầu nhưng không mang lại hiệu quả kinh tế theo như phương án phê duyệt ban đầu, EVN không có nhu cầu tiếp tục khai thác sử dụng mà việc nhượng bán tài sản không có khả năng thu hồi đủ vốn đầu tư dẫn tới EVN không trả được nợ vay theo kế hoạch hoặc hợp đồng vay vốn thì phải làm rõ trách nhiệm của những người có liên quan để báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Việc nhượng bán tài sản cố định được thực hiện bằng hình thức đấu giá thông qua một tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản hoặc do EVN tự tổ chức thực hiện công khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản. Trường hợp nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại ghi trên sổ kế toán dưới 100 triệu đồng, Tổng giám đốc EVN quyết định lựa chọn bán theo phương thức đấu giá hoặc thỏa thuận nhưng không thấp hơn giá thị trường. Trường hợp tài sản cố định không có giao dịch trên thị trường thì EVN được thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá làm cơ sở bán tài sản theo các phương thức trên.

4. Việc thanh lý, nhượng bán tài sản gắn liền với đất đai phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

5. Trình tự, thủ tục thanh lý, nhượng bán tài sản theo quy định hiện hành.

Điều 18. Chuyển nhượng các khoản đầu tư vốn ra ngoài EVN

Việc nhượng bán các khoản đầu tư vốn ra ngoài EVN thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các quy định hiện hành của pháp luật, trong đó:

1. Phương thức chuyển nhượng:

Tùy theo hình thức góp vốn, EVN thực hiện chuyển nhượng các khoản đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ của doanh nghiệp có vốn góp và các cam kết tại các hợp đồng hợp tác kinh doanh của các bên.

a) Việc chuyển nhượng vốn đầu tư của EVN tại công ty trách nhiệm hữu hạn thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

b) Việc chuyển nhượng vốn đầu tư của EVN tại công ty cổ phần đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán thực hiện theo phương thức giao dịch (khớp lệnh, thỏa thuận) theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng theo phương thức thỏa thuận thì giá thỏa thuận phải nằm trong biên độ giá giao dịch của mã chứng khoán tại ngày chuyển nhượng.

c) Việc chuyển nhượng vốn đầu tư của EVN tại công ty cổ phần chưa niêm yết hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán thì thực hiện đấu giá công khai. Trường hợp đấu giá công khai không thành công thì thực hiện chào bán cạnh tranh. Trường hợp chào bán cạnh tranh không thành công thì thực hiện theo phương thức thỏa thuận.

2. Hội đồng thành viên EVN quyết định chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên sau khi cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định chủ trương.

3. Trường hợp giá trị chuyển nhượng thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán của EVN sau khi đã bù trừ dự phòng tổn thất vốn đầu tư thì EVN báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định.

4. Tiền thu về chuyển nhượng các khoản vốn đầu tư ra ngoài EVN (cổ phần, phần vốn góp và chuyển nhượng quyền mua cổ phần, quyền góp vốn) thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

5. Đối với các loại công trái, trái phiếu mà EVN đã đầu tư để hưởng lãi, việc chuyển nhượng thực hiện theo quy định khi phát hành hoặc phương án phát hành của tổ chức (chủ thể) phát hành. Trường hợp EVN chuyển nhượng trái phiếu trước kỳ hạn thì giá chuyển nhượng phải đảm bảo nguyên tắc bảo toàn vốn trước khi chuyển nhượng. Việc chuyển nhượng trái phiếu đã được đăng ký lưu ký, niêm yết và giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán, EVN thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 19. Quản lý hàng hoá tồn kho

1. Hàng hóa tồn kho là hàng hóa EVN mua về để bán còn tồn lại, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho hoặc đã mua đang đi trên đường, sản phẩm dở dang trong quá trình sản xuất, sản phẩm hoàn thành nhưng chưa nhập kho, thành phẩm tồn kho, thành phẩm đang gửi bán.

2. EVN được quyền chủ động và chịu trách nhiệm xử lý ngay những hàng hóa tồn kho kém, mất phẩm chất, lạc hậu mốt, lạc hậu kỹ thuật, ứ đọng, chậm luân chuyển để thu hồi vốn. Thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Quy chế này.

3. Cuối kỳ kế toán, khi giá gốc hàng tồn kho ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thu hồi được thì EVN phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

4. Tổng giám đốc EVN chịu trách nhiệm xây dựng các định mức vật tư, thiết bị dự phòng chiến lược; định mức nguyên liệu, vật liệu dự phòng cho sản xuất để trình Hội đồng thành viên phê duyệt đồng thời tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các định mức đã được phê duyệt.

Điều 20. Quản lý các khoản nợ phải thu

1. Trách nhiệm của EVN:

a) Xây dựng và ban hành quy chế quản lý các khoản nợ phải thu, phân công và xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi, thanh toán các khoản công nợ.

b) Mở sổ theo dõi các khoản nợ theo từng đối tượng nợ; thường xuyên phân loại các khoản nợ (nợ luân chuyển, nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi), đôn đốc thu hồi nợ. Khi xác định là nợ phải thu khó đòi, EVN phải trích lập dự phòng đối với khoản nợ phải thu khó đòi theo quy định hiện hành.

c) Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc EVN có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ không thu hồi được. Nếu không xử lý kịp thời các khoản nợ không thu hồi được theo quy định tại khoản này thì Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc sẽ bị miễn nhiệm như trường hợp báo cáo

không trung thực tình hình tài chính của EVN từ 02 lần trở lên, trường hợp không xử lý kịp thời dẫn đến thất thoát vốn của Nhà nước tại EVN thì phải chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu và trước pháp luật.

d) Nợ phải thu không có khả năng thu hồi, EVN có trách nhiệm xử lý bồi thường của cá nhân, tập thể có liên quan, số còn lại được bù đắp bằng khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi. Nếu còn thiếu thì hạch toán vào chi phí kinh doanh của EVN.

đ) Nợ phải thu không có khả năng thu hồi sau khi xử lý như trên, EVN vẫn phải theo dõi và tổ chức thu hồi. Số tiền thu hồi được hạch toán vào thu nhập của EVN.

2. Quyền hạn của EVN:

EVN được quyền bán các khoản nợ phải thu quá hạn, nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu không đòi được để thu hồi vốn. EVN chỉ được bán nợ cho các tổ chức kinh tế có chức năng kinh doanh mua bán nợ, không được bán nợ trực tiếp cho khách nợ. Giá bán các khoản nợ do các bên tự thỏa thuận và tự chịu trách nhiệm về quyết định bán khoản nợ phải thu. Trường hợp quản lý nợ dẫn đến thất thoát vốn chủ sở hữu hoặc bán nợ mà dẫn tới EVN bị thua lỗ, mất vốn, hoặc mất khả năng thanh toán hoặc dẫn đến tình trạng EVN phải giải thể, phá sản thì Hội đồng thành viên và người có liên quan trực tiếp đến việc phát sinh các khoản nợ này phải bồi thường và bị xử lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ của EVN.

Điều 21. Kiểm kê tài sản

1. EVN phải tổ chức kiểm kê định kỳ hoặc đột xuất để xác định số lượng tài sản (tài sản cố định và đầu tư dài hạn, tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn), đối chiếu các khoản công nợ phải thu, phải trả trong các trường hợp: Khi khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm; khi thực hiện quyết định chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi sở hữu; sau khi xảy ra thiên tai, địch họa; hoặc vì lý do nào đó gây ra biến động tài sản của EVN; hoặc theo quy định của Nhà nước. Thống kê tài sản thừa, thiếu, nợ không thu hồi được, nợ quá hạn xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tổ chức và cá nhân có liên quan và xác định mức bồi thường vật chất theo quy định.

2. Xử lý kiểm kê

a) Xử lý tổn thất tài sản sau kiểm kê

Tổn thất về tài sản là tài sản bị mất mát, thiếu hụt, hư hỏng, kém chất lượng, lạc hậu một, lạc hậu kỹ thuật, tồn kho ứ đọng được xác định trong kiểm kê định kỳ và kiểm kê đột xuất. EVN phải xác định giá trị đã bị tổn thất, nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý như sau:

- Nếu do nguyên nhân chủ quan thì người gây ra tổn thất phải bồi thường, xử lý theo quy định của pháp luật. Hội đồng thành viên quyết định mức bồi thường theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

- Tài sản đã mua bảo hiểm nếu tổn thất thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.

- Giá trị tài sản tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm, phần thiếu được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

- Những trường hợp đặc biệt do thiên tai hoặc do nguyên nhân bất khả kháng gây thiệt hại nghiêm trọng, doanh nghiệp không thể tự khắc phục được thì Hội đồng thành viên lập phương án xử lý tổn thất báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu trình Thủ tướng Chính phủ để xem xét xử lý.

- EVN có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản tổn thất tài sản, trường hợp để các khoản tổn thất tài sản không được xử lý thì Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu như trường hợp báo cáo không trung thực tình hình tài chính doanh nghiệp.

b) Tài sản thừa sau kiểm kê:

Tài sản thừa sau kiểm kê là chênh lệch giữa số tài sản thực tế kiểm kê với số tài sản ghi trên sổ sách kế toán, giá trị tài sản thừa do kiểm kê.

Trường hợp kết quả kiểm kê thừa tài sản so với số tài sản đã ghi vào sổ sách kế toán, EVN phải xác định rõ nguyên nhân thừa tài sản, đối với tài sản thừa không phải trả lại được hạch toán vào thu nhập khác của EVN; đối với tài sản thừa chưa xác định rõ nguyên nhân thì phải chờ quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền, đồng thời EVN tạm hạch toán vào phải trả, phải nộp khác; trường hợp giá trị tài sản thừa đã xác định được nguyên nhân và được cơ quan có thẩm quyền quyết định xử lý thì EVN căn cứ quyết định xử lý để hạch toán cho phù hợp.

Điều 22. Đánh giá lại tài sản

1. EVN thực hiện đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:

a) Theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Thực hiện chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp: Cổ phần hóa, bán hoặc chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp theo các hình thức khác.

c) Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài EVN.

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc đánh giá lại tài sản phải theo đúng các quy định của Nhà nước. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị do đánh giá lại tài sản quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 23. Chênh lệch tỷ giá

Các khoản chênh lệch tỷ giá được xử lý theo quy định hiện hành của pháp luật. Riêng đối với các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thì chênh lệch tỷ giá trong quá trình đầu tư được phản ánh lũy kế và phân bổ vào chi phí; thời gian phân bổ không quá 05 năm kể từ khi công trình đi vào hoạt động.

Mục 3

DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Điều 24. Doanh thu và thu nhập khác

1. Doanh thu và thu nhập khác của EVN được xác định phù hợp với các chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật hiện hành.

2. Doanh thu bao gồm doanh thu hoạt động sản xuất, kinh doanh điện và doanh thu hoạt động tài chính, trong đó:

a) Doanh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh điện: Doanh thu tiêu thụ điện là doanh thu từ bán điện cho các công ty phân phối điện, bán điện cho các công ty phát điện để sản xuất điện và bán điện cho các đơn vị khác, các khoản trợ cấp của Nhà nước (nếu có) cho EVN khi EVN thực hiện cung cấp điện theo nhiệm vụ Nhà nước giao mà thu không đủ bù đắp chi, doanh thu từ cho thuê cột điện.

b) Doanh thu từ hoạt động tài chính bao gồm: Các khoản thu phát sinh từ tiền bản quyền, cho các bên khác sử dụng tài sản của EVN, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi cho thuê tài chính; chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, kể cả chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ có tỷ giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính thấp hơn tỷ giá ghi trên sổ kế toán; các khoản thu từ hoạt động tài chính khác theo quy định của pháp luật.

3. Thu nhập khác gồm các khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, tài sản thừa do kiểm kê, thu tiền bảo hiểm được bồi thường, các khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng, giá trị tài sản trí tuệ được bên nhận vốn góp chấp nhận, được ghi nhận là thu nhập khác của EVN và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

4. Doanh thu và thu nhập khác để xác định nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Điều 25. Chi phí hoạt động kinh doanh

Chi phí hoạt động kinh doanh của EVN là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Chi phí hoạt động kinh doanh gồm một số nội dung sau:

1. Chi phí sản xuất kinh doanh:

a) Chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, động lực, bán thành phẩm, dịch vụ mua ngoài.

b) Chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ lao động được phân bổ vào chi phí theo quy định hiện hành. Riêng đối với công tơ điện được phân bổ vào chi phí trong thời gian không quá 05 năm.

c) Chi phí khấu hao tài sản cố định theo quy định tại Điều 14 Quy chế này.

d) Chi phí trích trước chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa đối với tài sản cố định đặc thù (các nhà máy điện, trạm biến áp 500 kV trở lên...) theo chu kỳ thì được trích trước chi phí sửa chữa theo dự toán được duyệt vào chi phí sản xuất kinh doanh. Khi thực hiện sửa chữa, nếu số thực chi lớn hơn số trích trước, phần chênh lệch được hạch toán vào chi phí; nếu số thực chi nhỏ hơn số trích trước thì hạch toán giảm chi phí trong năm.

đ) Chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí khắc phục sự cố là chi phí thực tế cho công việc sửa chữa, khắc phục sự cố nhằm khôi phục năng lực và tính năng kỹ thuật của tài sản cố định theo trạng thái ban đầu của tài sản. Trong quá trình sửa chữa tài sản cố định có thể thay thế thiết bị, phụ tùng hoặc bộ phận tài sản đảm bảo phù hợp với công nghệ hiện tại và đáp ứng yêu cầu của sản xuất, truyền tải, phân phối điện. Trường hợp phát sinh các chi phí lớn phục vụ cho công tác sửa chữa, khắc phục sự cố do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh (giảm lãi hoặc bị lỗ) thì EVN thực hiện phân bổ khoản chi phí sửa chữa, khắc phục sự cố; thời gian phân bổ không quá 3 năm kể từ ngày phát sinh khoản chi phí.

e) Chi phí tiền lương, chi phí có tính chất lương phải trả cho người lao động, tiền lương, thù lao của Người quản lý doanh nghiệp theo quy định.

g) Kinh phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế cho người lao động mà doanh nghiệp phải nộp theo quy định.

h) Chi cho công tác y tế theo quy định.

i) Chi phí thuê bảo vệ nhà máy điện, đường dây điện, trạm biến áp.

k) Chi phí giao dịch, môi giới, tiếp khách, tiếp thị, xúc tiến thương mại, quảng cáo, hội họp tính theo chi phí thực tế phát sinh trên nguyên tắc quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

l) Chi đào tạo cán bộ công nhân viên của EVN, chi đào tạo khác theo quy định hiện hành của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực phục vụ định hướng phát triển của EVN, chuẩn bị nhân lực cho các lĩnh vực công nghệ mới, cung cấp nhân lực cho các đơn vị thành viên EVN ở vùng sâu vùng xa với điều kiện các học sinh, sinh viên này có cam kết làm việc lâu dài cho EVN sau khi tốt nghiệp.

m) Chi phí tiếp nhận, sửa chữa lưới điện trung áp, hạ áp nông thôn từ các tổ chức khác chuyển giao cho EVN theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ để EVN quản lý vận hành thì EVN được phép phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh điện nhưng không quá 3 năm.

n) Chi phí cho thuê cột điện.

o) Chi phí bằng tiền khác gồm:

- Các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của EVN.

- Tiền thuê đất.

- Trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động.

- Đào tạo nâng cao năng lực quản lý, tay nghề của người lao động.

- Chi phí cho lao động nữ.

- Chi phí cho công tác bảo vệ môi trường.

- Chi phí ăn ca cho người lao động.

- Chi phí cho công tác Đảng, đoàn thể tại doanh nghiệp (phần chi ngoài kinh phí của tổ chức Đảng, đoàn thể được chi từ nguồn quy định).

- Các chi phí khác bằng tiền theo quy định của pháp luật.

p) Nợ phải thu không có khả năng thu hồi quy định tại khoản 1 Điều 20; giá trị tài sản tổn thất thực tế theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Quy chế này.

q) Giá trị các khoản dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp trích lập theo quy định, chi phí trích trước bảo hành sản phẩm, các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đặc thù.

r) Giá trị tổn thất sau kiểm kê sau khi bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm (nếu có).

s) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi phí hoạt động tài chính, bao gồm: Các khoản chi liên quan đến đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp (bao gồm các khoản chi phí do các bên góp vốn phải tự chi); tiền lãi phải trả do huy động vốn, chênh lệch tỷ giá, chi phí chiết khấu thanh toán, chi phí cho thuê tài sản.

3. Chi phí khác, bao gồm:

a) Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản gồm cả giá trị còn lại của tài sản khi thanh lý, nhượng bán.

b) Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa sổ kế toán.

c) Chi phí để thu tiền phạt.

d) Chi phí về tiền phạt do vi phạm hợp đồng.

đ) Các khoản chi tài trợ cho các trường thuộc EVN theo quy định hiện hành của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp; EVN có trách nhiệm ban hành Quy chế về việc tài trợ cho các trường đào tạo thuộc EVN.

e) Các chi phí khác theo quy định của pháp luật.

4. Không tính vào chi phí sản xuất kinh doanh các khoản đã có nguồn khác đảm bảo hoặc không liên quan đến sản xuất kinh doanh sau đây:

a) Chi phí mua sắm xây dựng, lắp đặt tài sản cố định hữu hình, vô hình.

b) Chi phí lãi vay vốn được tính vào chi phí đầu tư và xây dựng.

c) Các khoản chi phí khác không liên quan đến hoạt động kinh doanh của EVN; các khoản chi không có chứng từ hợp lệ; các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế để tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

d) Các khoản tiền phạt về vi phạm pháp luật không mang danh EVN mà do cá nhân gây ra.

5. EVN xác định các khoản chi phí được trừ để tính thu nhập chịu thuế thực hiện theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 26. Quản lý chi phí

1. Chi phí của EVN bao gồm chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh điện, chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác. EVN phải quản lý chặt chẽ các khoản chi phí đảm bảo các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ theo quy định trong pháp luật về thuế.

2. EVN phải xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp với đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, ngành, nghề kinh doanh, mô hình tổ chức quản lý, trình độ trang bị của EVN. Các định mức phải được phổ biến đến tận người thực hiện, công bố công khai cho người lao động trong EVN biết để thực hiện và kiểm tra, giám sát. Trường hợp không thực hiện được các định mức, làm tăng chi phí phải phân tích rõ nguyên nhân, trách nhiệm để xử lý theo quy định của Nhà nước và cấp có thẩm quyền. Nếu do nguyên nhân chủ quan phải bồi thường thiệt hại. Thẩm quyền quyết định mức bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Quy chế này.

Điều 27. Cơ chế quản lý tiền lương của EVN

1. Chế độ tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động và tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Người quản lý của EVN được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Khi xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch, xác định quỹ tiền lương thực hiện năm đối với người lao động; xây dựng quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch, xác định quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm đối với Người quản lý doanh nghiệp theo khoản 1 Điều này thì được tính toán để loại trừ yếu tố khách quan ảnh hưởng đến lợi nhuận, năng suất lao động như thiên tai, địch họa, hạn hán; Nhà nước quản lý, điều hành giá điện; tăng hoặc giảm vốn nhà nước, tính tăng khấu hao để thu hồi vốn nhanh; thực hiện chương trình an sinh xã hội theo quy định của Chính phủ; mở rộng sản xuất kinh doanh, đầu tư mới vào ngành nghề kinh doanh chính theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; các khoản chênh lệch tỷ giá chưa được đưa vào trong phương án giá điện theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện chủ trương của Chính phủ về tái cơ cấu, tiết kiệm điện, tiếp nhận lưới điện nông thôn.

Mục 4

LỢI NHUẬN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 28. Lợi nhuận thực hiện

1. Lợi nhuận thực hiện trong năm của EVN là tổng của lợi nhuận hoạt động sản xuất, kinh doanh và lợi nhuận hoạt động khác.

2. Lợi nhuận hoạt động sản xuất, kinh doanh bao gồm:

a) Chênh lệch giữa doanh thu từ việc bán sản phẩm hàng hoá, cung cấp dịch vụ với tổng giá thành toàn bộ sản phẩm, hàng hoá tiêu thụ hoặc chi phí dịch vụ tiêu thụ phát sinh trong kỳ.

b) Chênh lệch giữa doanh thu từ hoạt động tài chính với chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

3. Lợi nhuận hoạt động khác là chênh lệch giữa thu nhập từ hoạt động khác với chi phí hoạt động khác phát sinh trong kỳ.

Điều 29. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận của EVN sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối như sau:

1. Chia lãi cho các thành viên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng (nếu có).

2. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế.

3. Lợi nhuận còn lại sau khi trừ đi các nội dung quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này được phân phối theo thứ tự như sau:

a) Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển.

b) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động trong EVN:

- Trường hợp xếp loại A, EVN được trích 3 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi.

- Trường hợp xếp loại B, EVN được trích 1,5 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi.

- Trường hợp xếp loại C, EVN được trích 1 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi.

Trường hợp không thực hiện xếp loại thì EVN không được trích lập hai quỹ khen thưởng, phúc lợi.

c) Trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên:

- Trường hợp xếp loại A thì EVN được trích 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên.

- Trường hợp xếp loại B thì EVN được trích 01 tháng lương thực hiện của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên.

- Trường hợp xếp loại C hoặc không thực hiện xếp loại thì EVN không được trích lập quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên.

d) Trường hợp số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập Quỹ đầu tư phát triển quy định tại điểm a khoản này mà không đủ nguồn để trích các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo mức quy định thì doanh nghiệp được giảm trừ phần lợi nhuận trích lập quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn trích lập đủ quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo mức quy định, nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào Quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính.

đ) Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này được nộp về ngân sách nhà nước.

4. Trường hợp EVN có vốn chủ sở hữu lớn hơn so với vốn điều lệ, nếu EVN có nhu cầu điều chỉnh tăng vốn điều lệ thì xây dựng phương án tăng vốn điều lệ báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh tăng vốn điều lệ. Nếu không có nhu cầu tăng vốn điều lệ thì EVN báo cáo Bộ Tài chính để báo cáo Thủ tướng Chính phủ điều chuyển phân chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Sử dụng các quỹ

1. Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp:

Việc trích lập, quản lý, quyết toán việc sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để thực hiện các dự án đầu tư phát triển của EVN theo quy định của pháp luật và bổ sung vốn điều lệ cho EVN.

3. Quỹ khen thưởng được dùng để:

a) Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong EVN.

b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong EVN.

c) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài EVN có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của EVN.

d) Đối tượng được chi Quỹ khen thưởng là toàn bộ người lao động của EVN (bao gồm cả người quản lý doanh nghiệp làm việc theo hợp đồng lao động).

đ) Quỹ khen thưởng của EVN không dùng để chi thưởng cho đối tượng là người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên do nhà nước bổ nhiệm (trừ khoản thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng).

e) Mức thưởng theo quy định tại các điểm a, b và c khoản này do Tổng giám đốc quyết định được ghi trong Quy chế quản lý sử dụng quỹ của doanh nghiệp.

4. Quỹ phúc lợi dùng để:

a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của EVN.

b) Chi cho các hoạt động phúc lợi của tập thể người lao động trong EVN (bao gồm cả người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên làm việc theo hợp đồng lao động và người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên do nhà nước bổ nhiệm).

c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng.

d) Sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

Mức chi sử dụng quỹ phúc lợi do Tổng giám đốc EVN quyết định được ghi trong Quy chế quản lý sử dụng quỹ của doanh nghiệp.

5. Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên được dùng để:

a) Thưởng hàng năm; thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ cho Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng EVN.

b) Mức thưởng hàng năm và thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ đối với người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên được gắn với tiêu chí đánh giá người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên và hiệu quả hoạt động kinh doanh của EVN, trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên EVN.

Thẩm quyền đánh giá: Bộ Công Thương đánh giá Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên chuyên ngành tại EVN; Bộ Tài chính đánh giá Kiểm soát viên tài chính tại EVN; Hội đồng thành viên đánh giá Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

c) Trường hợp Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng EVN được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng thì EVN sử dụng nguồn quỹ khen thưởng của EVN để chi thưởng cho các đối tượng nêu trên theo mức thưởng mà pháp luật về thi đua khen thưởng đã quy định đối với từng hình thức thi đua, khen thưởng.

6. Việc trích lập các quỹ nói trên phải được chấp thuận của cơ quan đại diện chủ sở hữu và thực hiện công khai theo quy chế công khai tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của Nhà nước.

Mục 5

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

Điều 31. Kế hoạch tài chính

1. Căn cứ vào định hướng chiến lược, quy hoạch phát triển sản xuất kinh doanh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, EVN xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính dài hạn phù hợp với kế hoạch định hướng đã được chủ sở hữu quyết định.

2. Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, căn cứ vào năng lực của EVN và nhu cầu thị trường, EVN xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tiếp theo trình Hội đồng thành viên quyết định.

3. Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh được Hội đồng thành viên EVN quyết định, EVN thực hiện việc đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của năm báo cáo và lập kế hoạch tài chính cho năm kế tiếp gửi Bộ Công Thương, Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 7 hàng năm.

4. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính rà soát lại kế hoạch tài chính do EVN lập và có ý kiến chính thức bằng văn bản để EVN hoàn chỉnh kế hoạch tài chính. Kế hoạch tài chính sau khi hoàn chỉnh là kế hoạch chính thức làm cơ sở cho Bộ Công Thương và Bộ Tài chính giám sát đánh giá quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của EVN.

Điều 32. Công tác kế toán, thống kê

1. EVN có trách nhiệm ban hành chế độ kế toán tài chính và kế toán quản trị của EVN áp dụng thống nhất cho các đơn vị trực thuộc, công ty con và đơn vị sự nghiệp của EVN phù hợp với quy định hiện hành; tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật.

2. Khuyến khích các công ty liên kết, công ty tự nguyện liên kết của EVN áp dụng chế độ kế toán tài chính và kế toán quản trị của EVN.

Điều 33. Báo cáo tài chính và báo cáo khác

1. Cuối kỳ kế toán quý, năm, EVN phải lập các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê của EVN và Tập đoàn Điện lực quốc gia Việt Nam theo quy định của pháp luật. Hội đồng thành viên EVN chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.

2. Bộ Công Thương chấp thuận đề Hội đồng thành viên EVN phê duyệt báo cáo tài chính hằng năm, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

3. Các đơn vị trực thuộc, các công ty con do EVN sở hữu 100% vốn điều lệ, Người đại diện tại công ty EVN có cổ phần, vốn góp chi phối có nghĩa vụ thực hiện các báo cáo quản trị theo quy định của EVN.

4. EVN gửi báo cáo tài chính theo thời gian, mẫu biểu theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 34. Công tác kiểm toán

1. Hàng năm EVN thuê các tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính của EVN (gồm báo cáo tài chính riêng của EVN và báo cáo tài chính hợp nhất) và các đơn vị trực thuộc EVN.

2. Các công ty con của EVN tự thuê tổ chức kiểm toán độc lập trong phạm vi danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập đủ tiêu chuẩn đã được Bộ Tài chính công bố để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của đơn vị mình. Đối với các đơn vị có sử dụng vốn vay của các cá nhân, tổ chức nước ngoài cần có thêm sự đồng ý của cá nhân, tổ chức cho vay vốn đối với tổ chức kiểm toán được lựa chọn.

3. Đối với các công ty EVN có cổ phần, vốn góp chi phối, Người đại diện có trách nhiệm yêu cầu công ty thực hiện theo hình thức, nội dung kiểm toán mà EVN quy định.

Điều 35. Công khai tài chính

EVN thực hiện chế độ công khai tài chính của EVN theo quy định hiện hành của pháp luật.

Mục 6

GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 36. Giám sát đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp

EVN phải thực hiện công tác giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của EVN và các doanh nghiệp thành viên theo quy định hiện hành của pháp luật.

Chương III
QUẢN LÝ VỐN CỦA EVN ĐẦU TƯ VÀO DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của EVN tại doanh nghiệp khác có vốn đầu tư của EVN

1. Hội đồng thành viên EVN thực hiện các quyền và nghĩa vụ của:

a) Chủ sở hữu tại các Công ty con do EVN sở hữu 100% vốn điều lệ.

b) Chủ sở hữu cổ phần, vốn góp tại các công ty cổ phần, công ty liên doanh, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng thành viên EVN thực hiện quyền và nghĩa vụ của EVN trong quản lý vốn của EVN đầu tư tại công ty con, công ty liên kết và doanh nghiệp khác bao gồm các nội dung sau đây:

a) Quyết định đầu tư, góp vốn; tăng, giảm vốn đầu tư hoặc cổ phần hoặc vốn góp theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ của Công ty mà EVN có cổ phần, vốn góp.

b) Quyết định cử, thay đổi, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Người đại diện, Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của EVN tại công ty con, công ty liên kết và doanh nghiệp khác; giới thiệu Người đại diện ứng cử vào Ban quản lý điều hành của các công ty có vốn góp, cổ phần của EVN phù hợp với các quy định tại Điều lệ của công ty và pháp luật liên quan tại Việt Nam và ở nước ngoài.

c) Quyết định giao số cổ phần, vốn góp tương ứng với số phiếu biểu quyết cho từng Người đại diện tại doanh nghiệp khác.

d) Giao nhiệm vụ và chỉ đạo, yêu cầu Người đại diện, Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát tại công ty con, công ty liên kết và doanh nghiệp khác:

- Định hướng công ty thực hiện các mục tiêu và kế hoạch phối hợp đầu tư, sản xuất kinh doanh của EVN.

- Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả đầu tư, sản xuất kinh doanh và các nội dung khác.

- Báo cáo những vấn đề quan trọng của công ty có cổ phần, vốn góp của EVN để xin ý kiến trước khi biểu quyết.

- Báo cáo việc sử dụng cổ phần, vốn góp, thị trường, bí quyết công nghệ và những vấn đề khác để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của EVN.

đ) Giải quyết những đề nghị của Người đại diện, Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của EVN tại công ty con, công ty liên kết và doanh nghiệp khác.

e) Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn góp ở các Công ty con, Công ty liên kết và doanh nghiệp khác. EVN quyết định việc sử dụng phần vốn và lãi thu về từ doanh nghiệp khác để phục vụ cho các mục tiêu đầu tư, kinh doanh của EVN. Trường hợp tổ chức lại EVN thì việc quản lý phần vốn góp, cổ phần này thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

g) Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn của EVN và chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn của EVN tại các công ty con, công ty liên kết và doanh nghiệp khác.

h) Các quyền hạn và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Người đại diện vốn của EVN tại doanh nghiệp khác

1. Người đại diện cho EVN thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cổ đông, bên góp vốn, bên liên doanh tại công ty con, công ty liên kết và doanh nghiệp khác. Trường hợp EVN nắm giữ cổ phần hoặc vốn góp chi phối của công ty con, thì Người đại diện sử dụng quyền chi phối để định hướng công ty con thực hiện mục tiêu chiến lược và những vấn đề quan trọng khác do EVN giao.

2. Tham gia ứng cử vào bộ máy quản lý, điều hành của công ty con, công ty liên kết theo Điều lệ của doanh nghiệp đó.

3. Theo dõi, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật, điều lệ doanh nghiệp. Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc theo yêu cầu của EVN về tình hình kết quả hoạt động kinh doanh, vấn đề tài chính của công ty con, việc thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng thành viên EVN giao.

4. Theo dõi, đôn đốc và thực hiện thu hồi vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác gồm: Vốn cho người lao động vay để mua cổ phần, bán chịu cổ phần cho người lao động, chia cổ phần cho người lao động để hưởng cổ tức, chuyển nhượng cổ phần của Nhà nước, thu hồi cổ tức, các lợi ích và các khoản được chia khác từ vốn góp vào doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc theo yêu cầu của Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc EVN về tình hình thực hiện, kết quả hoạt động kinh doanh, tài chính và tình hình hoạt động, hiệu quả sử dụng phần vốn góp của EVN tại các công ty có cổ phần, vốn góp của EVN.

6. Thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng thành viên EVN giao.

7. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên EVN về quản lý phần vốn góp, hiệu quả sử dụng vốn góp của EVN tại doanh nghiệp được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp và việc thực hiện hoàn thành nhiệm vụ do Chủ sở hữu giao. Trường hợp Người đại diện, Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Người theo dõi phần vốn của EVN tại doanh nghiệp khác không bảo toàn và phát triển được vốn của EVN tại doanh nghiệp khác mà lỗi được xác định là do chủ quan gây nên thì những người này phải bồi thường thiệt hại cho EVN và chịu các hình thức kỷ luật phù hợp khác theo quy định của EVN và của pháp luật.

8. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ của doanh nghiệp được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp của EVN và nhiệm vụ do EVN giao.

9. Người đại diện phải thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh một cách cẩn trọng theo đúng chỉ đạo của Hội đồng thành viên EVN, nhất là trong trường hợp là cổ đông, bên góp vốn chi phối.

10. Người đại diện được quyết định các vấn đề của công ty con, công ty liên kết do mình làm đại diện phần vốn theo phân cấp của Hội đồng thành viên EVN và chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên EVN.

11. Người đại diện phải xin ý kiến bằng văn bản đề Hội đồng thành viên EVN có nghị quyết hoặc quyết định trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng thành viên của công ty con, công ty liên kết và doanh nghiệp khác về các nội dung sau:

a) Phương hướng, chiến lược phát triển, kế hoạch đầu tư, kinh doanh dài hạn và hàng năm của công ty con, công ty liên kết và doanh nghiệp khác.

b) Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý chủ chốt của công ty con, công ty liên kết và doanh nghiệp khác.

c) Sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty con, công ty liên kết và doanh nghiệp khác.

d) Tăng, giảm vốn điều lệ của công ty con, công ty liên kết và doanh nghiệp khác.



đ) Phương án chia lợi tức của công ty con, công ty liên kết và doanh nghiệp khác.

e) Mua, bán tài sản hoặc huy động vốn giá trị lớn cần có biểu quyết của cổ đông hoặc bên góp vốn và các nội dung khác theo quy định của EVN.

g) Trường hợp nhiều người cùng là đại diện của EVN tham gia Hội đồng thành viên của công ty có cổ phần, vốn góp của EVN thì Hội đồng thành viên chỉ định người phụ trách để chủ trì tổ chức bàn bạc, thống nhất ý kiến và xin ý kiến của Hội đồng thành viên EVN trước khi biểu quyết.

h) Người đại diện tham gia ban quản lý điều hành doanh nghiệp khác phải nghiên cứu đề xuất phương hướng, biện pháp hoạt động của mình tại doanh nghiệp khác để trình Hội đồng thành viên EVN phê duyệt.

i) Người đại diện tại công ty con có cổ phần, vốn góp chi phối của EVN phải có trách nhiệm hướng dẫn công ty con đi đúng mục tiêu, định hướng của EVN và Nhà nước, sử dụng quyền chi phối hoặc phủ quyết để quyết định việc bổ sung ngành nghề kinh doanh tại doanh nghiệp khác. Khi phát hiện doanh nghiệp đi chệch mục tiêu, định hướng của EVN, Nhà nước phải báo cáo ngay EVN. Sau khi được đại diện chủ sở hữu vốn thông qua cần tổ chức thực hiện ngay để nhanh chóng hướng công ty con đi đúng mục tiêu, định hướng đã xác định.

12. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Người đại diện EVN tại doanh nghiệp khác: Thực hiện theo Quy chế nội bộ do EVN xây dựng phù hợp các quy định hiện hành của Chính phủ hướng dẫn về việc trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người đại diện vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

13. Người đại diện ngoài việc tuân thủ các quy định tại Quy chế này còn phải tuân thủ các quy định khác của EVN có liên quan đến Người đại diện.

14. Trường hợp Người đại diện, Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Người theo dõi phần vốn của EVN tại doanh nghiệp khác không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định, lợi dụng quyền đại diện phần vốn góp hoặc cổ phần, thiếu trách nhiệm gây thiệt hại cho EVN và doanh nghiệp khác thì phải chịu trách nhiệm về sai phạm và bồi thường thiệt hại vật chất theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

Điều 39. Chế độ và chỉ tiêu báo cáo

1. Trên cơ sở báo cáo tài chính và các báo cáo khác của doanh nghiệp, Người đại diện có trách nhiệm lập Hồ sơ doanh nghiệp, lập báo cáo một số chỉ tiêu tài chính hàng quý, năm bao gồm cả phần phân tích đánh giá tình hình quản lý và sử dụng vốn tại doanh nghiệp, khả năng thanh toán, kết quả kinh

doanh, việc phân chia lợi tức và các quyền lợi khác, kiến nghị đề xuất biện pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc nhằm phát huy có hiệu quả vốn EVN tại doanh nghiệp khác để trình Hội đồng thành viên EVN xem xét, phê duyệt.

2. Nơi nhận báo cáo và thời hạn báo cáo: Hàng quý (chậm nhất là ngày 30 tháng đầu tiên quý sau), hàng năm (chậm nhất là ngày 15 tháng 4 của năm sau), Người đại diện có trách nhiệm gửi báo cáo với đầy đủ nội dung nêu tại khoản 1 Điều này cho Hội đồng thành viên EVN.

3. Ngoài các báo cáo theo định kỳ nêu trên Người đại diện phải báo cáo Hội đồng thành viên EVN về tình hình doanh nghiệp trong các trường hợp có những vấn đề lớn phát sinh ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và vốn đầu tư của EVN cần có ý kiến của Hội đồng thành viên EVN hoặc khi Hội đồng thành viên EVN yêu cầu.

4. Hội đồng thành viên EVN có trách nhiệm:

a) Trên cơ sở các báo cáo định kỳ của Người đại diện, Hội đồng thành viên EVN có trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Quy chế này.

b) Định kỳ quý, năm tổng hợp các chỉ tiêu báo cáo của Người đại diện theo từng loại hình doanh nghiệp có vốn đầu tư của Nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, công ty cổ phần... có kèm theo phân tích đánh giá về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính doanh nghiệp.

Chương IV **KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT** **VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 40. Khen thưởng, kỷ luật

Chế độ khen thưởng, kỷ luật về quản lý tài chính đối với thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và trưởng các phòng ban chức năng và thành viên khác trong EVN được thực hiện theo quy định của Quy chế này và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 41. Điều khoản thi hành

1. Ngoài những quy định trong Quy chế này, EVN áp dụng các quy định về quản lý tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan trong công tác quản lý tài chính của EVN.

2. Căn cứ vào Quy chế này và pháp luật có liên quan, Hội đồng thành viên EVN có trách nhiệm xây dựng các quy chế tài chính nội bộ để tổ chức công tác quản lý tài chính của các công ty con và các đơn vị trực thuộc của EVN cho phù hợp.

3. Các quy định về tài chính khác áp dụng đối với EVN trước đây trái với Quy chế này đều bị bãi bỏ./.



Nguyễn Xuân Phúc

www.LuatVietnam.vn